

BỆNH THƯỜNG GẶP - YTTB

Câu 1 : Thuốc dùng nhỏ mũi trước khi khám:

- A. Otifar
- B. NaCl 0,9%
- C. Rhinex
- D. Chloramphenicol

Câu 2 : Triệu chứng của người bệnh có thủng ổ loét dạ dày tá tràng:

- A. Đau bụng dữ dội
- B. Bụng cứng như gỗ
- C. A và B đúng
- D. A và B sai

Câu 3 : Nguyên nhân mắc bệnh giun đũa:

- A. Tay bẩn cầm vào thức ăn
- B. Ăn rau sống rửa không kỹ
- C. Đi làm đồng không có bảo hộ lao động
- D. A và B đúng

Câu 4 : Sang thương đặc hiệu trong bệnh ghẻ ngứa:

- A. Rãnh ghẻ
- B. Mụn nước hạt trai
- C. Vết xước da
- D. A, B đúng

Câu 5 : Khi bị điện giật, tổn thương sọ não thường do:

- A. Điện trở cao
- B. Hiệu điện thế lớn
- C. Cường độ dòng điện mạnh
- D. Tê ngã

Câu 6 : Tháo tác xử trí ưu tiên khi cấp cứu nạn nhân ngộ độc đường hô hấp:

- A. Tắm rửa
- B. Gây nôn
- C. Rửa dạ dày
- D. Thông khí

Câu 7 : Khớp thường bị bong gân nhất là:

- A. Gối, bàn tay
- B. Cổ chân
- C. Cổ tay, bàn tay
- D. Bàn chân, ngón chân

Câu 8 : Nguyên nhân gây nhiễm khuẩn đường tiết niệu ở người nữ thường gặp là do:

- A. Nhiễm trùng âm đạo
- B. Uống ít nước
- C. Vệ sinh kém
- D. Nhịn tiểu

Câu 9 : Thời điểm mọc răng khôn:

- A. 9- 10 tuổi
- B. > 25 tuổi
- C. 10-11 tuổi
- D. 17-25 tuổi

Câu 10 : Biểu hiện đặc trưng của nạn nhân bị rắn lục cắn:

- A. Sưng nề
- B. Sụp mí
- C. Đau buốt
- D. Sưng bầm

Câu 11 : Nội dung nào sau đây cần hướng dẫn người bệnh giữ vệ sinh chi bó bột:

- A. Không để nước chảy, rặn rệp vào bột
- B. Không dùng que soi để gỡ ngứa
- C. Không rút các vật độn bên trong bột ra ngoài
- D. A, B, C đúng

Câu 12 : Điều trị bong gân bằng phương pháp:

- A. Phẫu thuật
- B. Giảm đau, chống sưng nề
- C. Bất động nơi bị tổn thương
- D. Nắn khớp

Câu 13 : Tăng huyết áp là khi huyết áp tối đa:

- A. > 130mmHg
- B. >150mmHg
- C. >140mmHg
- D. >160mmHg

Câu 14 : Vết mạch Kissellbach ở vị trí cách cửa mũi:

- A. 1,5mm
- B. 1,5 dm
- C. 1,5cm
- D. 15dm

Câu 15 : Bướu to chiếm một diện tích rộng trước cổ:

- A. Độ II
- B. Độ I
- C. Độ III
- D. Độ IV

Câu 16 : Đặc điểm vết cắn của rắn độc:

- A. Cả hàm răng hình vòng cung
- B. Số vết răng là số chẵn
- C. Vết răng lớn xen kẽ vết răng nhỏ
- D. 2 vết răng lớn cách nhau 5 cm

Câu 17 : Dấu hiệu của say nóng:

- A. Diễn tiến đột ngột
- B. Da thường đỏ
- C. Thường hôn mê
- D. Vọp bẻ

- Câu 18 :** Dấu hiệu đặc trưng của ngộ độc Salmonella:
- A. Ói và tiêu chảy
 - B. Phân toàn nước
 - C. Liệt cơ
 - D. Mạch nhiệt phân li
- Câu 19 :** Triệu chứng ở mũi nào sau đây cần điều trị bằng kháng sinh:
- A. Nước mũi nhiều
 - B. Nước mũi có màu vàng
 - C. Nước mũi có mùi hôi
 - D. B, C đúng
- Câu 20 :** Thành phần giúp giữ thẳng bằng cơ thể:
- A. Tiền đình
 - B. Tiểu não
 - C. A, B đúng
 - D. A, B sai
- Câu 21 :** Cái ghè có đặc điểm:
- A. Đào hằm trong lớp sừng của da
 - B. Bệnh khó lây
 - C. Con cái ghè chết 2 ngày sau giao hợp
 - D. Cái ghè khó chết khi rời khỏi ký chủ
- Câu 22 :** Sau khi bó bột KHÔNG NÊN:
- A. Rửa sạch bột
 - B. Rút vật độn bên trong bột
 - C. Theo dõi chất tiết thấm ra bột
 - D. Cắt xén gờ bột đè ép, sắc cạnh
- Câu 23 :** Thuốc sử dụng cho người bệnh có triệu chứng ho và khó thở nhẹ:
- A. Terpin
 - B. Codein
 - C. A và B đúng
 - D. A và B sai
- Câu 24 :** Dấu hiệu đặc trưng của ngộ độc Shigella:
- A. Do thực phẩm đóng hộp
 - B. Độc chất có sẵn trong thực phẩm
 - C. Phân có máu
 - D. Phân toàn nước, tanh nồng
- Câu 25 :** Thời gian sử dụng muối iod kể từ khi sản xuất không được quá:
- A. 9 tháng
 - B. 12 tháng
 - C. 6 tháng
 - D. 3 tháng
- Câu 26 :** Khi bị điện giật, yếu tố nào của dòng điện gây bỏng vùng tiếp xúc:
- A. Cường độ dòng điện
 - B. Điện trở
 - C. Thời gian tiếp xúc
 - D. Hiệu điện thế
- Câu 27 :** Để tránh say nắng, khi làm việc ngoài trời cần lưu ý tránh để ánh nắng chiếu trực tiếp vào vùng:
- A. Mắt
 - B. Trán
 - C. Mặt
 - D. Gáy
- Câu 28 :** Biến dạng khớp đến muện:
- A. Di lệch
 - B. Sưng nề
 - C. Cử động lò xo
 - D. Chi bị trật khớp nặng hơn chi lành
- Câu 29 :** Bong gân là tổn thương:
- A. Mặt khớp
 - B. Dây chằng của bao khớp
 - C. Gân cơ
 - D. Sụn tiếp hợp
- Câu 30 :** Trường hợp nào xếp vào nhóm ngạt nước thứ phát:
- A. Không biết bơi
 - B. Bơi đuối sức
 - C. Lặn quá sâu
 - D. Ngạt do nhiệt
- Câu 31 :** Để làm giảm khó chịu cho người bệnh viêm phế quản nên cho người bệnh:
- A. Thực hiện thuốc theo y lệnh
 - B. Uống nhiều nước
 - C. Nghỉ ngơi tại giường
 - D. Thở oxy
- Câu 32 :** Lộ rõ dưới da nhìn thấy ngay khi khám được xếp vào:
- A. Độ I
 - B. Độ IV
 - C. Độ II
 - D. Độ III
- Câu 33 :** Điều trị bong gân nhẹ bằng cách sau khi phong bế Novocain 1% ngâm nước nóng:
- A. Mỗi ngày một lần
 - B. 2-3 lần/ ngày
 - C. 4 lần/ ngày
 - D. 3-4 lần/ ngày
- Câu 34 :** Cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh ăn uống đúng bữa dành cho bệnh lý nào sau đây:
- A. Viêm loét dạ dày tá tràng
 - B. Tăng huyết áp
 - C. Viêm phổi
 - D. Ngộ độc cấp
- Câu 35 :** Rửa sạch bột khi:
- A. Người bệnh than đau, tê chi
 - B. Bột quá chặt

- C. Bột lỏng
Câu 36 : Nguyên nhân chủ yếu của phù, NGOẠI TRỪ:
 A. Suy dinh dưỡng
 C. Suy tim
 D. A, B, C đúng
 B. Loét dạ dày tá tràng
 D. Hội chứng thận hư
- Câu 37** : Để tránh iode bị bay hơi khi nấu thức ăn nên cho iode vào thức ăn khi:
 A. Ướt muối iode trước khi nấu
 C. Khi thức ăn nấu chín nhắc xuống bếp
 B. Thức ăn vừa sôi
 D. Cho ngay từ ban đầu
- Câu 38** : Tư thế để chi bó bột dễ chịu nhất đối với chi dưới:
 A. Tựa lên bụng, bàn tay lên trời
 C. Duỗi thẳng, kê gối chân cao 20 cm
 B. Kê cao chi bó bột
 D. Duỗi thẳng
- Câu 39** : Người bệnh động kinh cần uống thuốc đều đặn ít nhất là:
 A. 3 năm
 C. Trên 2 năm
 B. 1 năm
 D. 6 tháng
- Câu 40** : Khi cho người bệnh uống thuốc sủ giun, để giảm khó chịu cho người bệnh cần:
 A. Ăn nhẹ trước khi uống
 C. Ăn no sau khi uống
 B. Uống thật nhiều nước
 D. Uống nước đường sau khi uống
- Câu 41** : Vị trí sang thương cái ghè hiếm gặp vị trí nào sau đây:
 A. Dương vật
 C. Lòng bàn tay
 B. Rốn
 D. Mặt
- Câu 42** : Động tác nào đúng khi tiếp cận nạn nhân đuối nước còn tỉnh:
 A. Túm tay nạn nhân
 C. Quàng tay qua thân mình nạn nhân
 B. Cầm chân nạn nhân
 D. Túm tóc nạn nhân
- Câu 43** : Biến chứng thứ phát sau bó bột là:
 A. Phù nề, đè ép
 C. Tắc mạch
 B. Có nốt phỏng
 D. Hội chứng Wolkman
- Câu 44** : Một trong những di chứng lâu dài của bỏng là:
 A. Nhiễm độc
 C. Nhiễm trùng
 B. Sẹo dính
 D. Suy kiệt
- Câu 45** : Nguyên nhân mắc bệnh giun chỉ:
 A. Muối truyền bệnh
 C. Trứng giun xâm nhập vào vết nứt ở chân
 B. Hít phải trứng giun
 D. Ăn phải trứng giun
- Câu 46** : Người bệnh viêm phế quản khi ho có đàm khi chăm sóc cần lưu ý:
 A. Lấy đàm xét nghiệm
 C. Cho người bệnh uống nhiều nước ấm
 B. Vệ sinh răng miệng
 D. Lau sạch mũi miệng sau khi khạc đàm xong
- Câu 47** : Thực phẩm nào cần kiêng trong vòng 1 tháng đối với người ngộ độc phosphor hữu cơ:
 A. Thịt bò tái
 C. Rau cải
 B. Thịt gà
 D. Sữa
- Câu 48** : Nguyên nhân gây nôn ra máu, NGOẠI TRỪ:
 A. Sỏi thận
 C. Viêm đường mật
 B. Loét dạ dày tá tràng
 D. Sốt xuất huyết
- Câu 49** : Phù thường gặp trong các bệnh lý:
 A. Thận
 C. Tim
 B. Phổi
 D. A và C đúng
- Câu 50** : Dấu hiệu đặc trưng của ngộ độc Botulism:
 A. Phân tanh nồng
 C. Mất nước nặng
 B. Đau quặn bụng
 D. Liệt cơ, thần kinh
- Câu 51** : Đặc điểm đau trong trật khớp:
 A. Đau ngay sau khi chấn thương
 C. Giảm hoặc mất cơ năng hoàn toàn
 B. Bất động vẫn đau
 D. Cả A, B, C
- Câu 52** : KHÔNG NÊN cho người bệnh động kinh làm việc ở nơi:
 A. Gần nước
 C. Gần điện
 B. Gần lửa
 D. A, B, C đúng
- Câu 53** : Trường hợp nào xếp vào nhóm ngạt nước nguyên phát:

- A. Ngất đột ngột
C. Ngất phản xạ
- Câu 54 :** Hướng dẫn người bệnh tập luyện chi bó bột:
A. Tập gồng cơ trong bột
C. Vận động các đầu chi
- Câu 55 :** Khi xử trí người bệnh ngộ độc, KHÔNG NÊN gây nôn cho bệnh nhân:
A. Ngộ độc trong vòng 1 giờ
C. Người bệnh hôn mê
- Câu 56 :** Xử trí KHÔNG HỢP LÝ khi say nắng, say nóng:
A. Nằm ngửa, kê chân cao
C. Chườm mát
- Câu 57 :** Đây là triệu chứng của trật khớp, NGOẠI TRỪ:
A. Ổ khớp rỗng, sờ thấy đầu xương ở vị trí bất thường
C. Cử động lò xo
- Câu 58 :** Nguyên nhân xử trí ngộ độc cấp, NGOẠI TRỪ:
A. Giúp cơ thể chống lại chất độc
C. Hồi sức tích cực
- Câu 59 :** VA là:
A. Hạnh nhân hầu
C. A, B đúng
- Câu 60 :** Đặc điểm nào đúng với đuối nước:
A. Ngạt do nhiệt
C. Ngạt do phản xạ
- Câu 61 :** Khi bị điện giật, yếu tố nào của dòng điện gây ngưng hô hấp, tuần hoàn:
A. Thời gian tiếp xúc
C. Hiệu điện thế
- Câu 62 :** Chăm sóc vết thương sau mổ ghép da do bỏng:
A. Băng kín
C. Bôi kem
- Câu 63 :** Biểu hiện của ngạt nước:
A. Đồng tử co
C. Sốt
- Câu 64 :** Triệu chứng của người bệnh viêm khớp, NGOẠI TRỪ:
A. Nóng đỏ ở các khớp
C. Sưng đau
- Câu 65 :** Điều kiện thuận lợi của bệnh viêm phế quản là:
A. Lao động nặng
C. Nhiễm lạnh đột ngột
- Câu 66 :** Dấu hiệu đặc trưng của ngộ độc phosphor hữu cơ:
A. Mạch nhanh
C. Sảng, vật vã
- Câu 67 :** Triệu chứng trong giai đoạn đầu nhiễm ấu trùng giun đũa:
A. Sốt
C. Buồn nôn
- Câu 68 :** Người bệnh viêm phổi khi ho có đàm:
A. Trắng trong
C. Vàng dính
- Câu 69 :** Để giảm đau cho người bệnh bong gân cần chườm lạnh suốt 4 giờ đầu mỗi lần chườm cách nhau:
A. 15-20 phút
C. 10-15 phút
- Câu 70 :** Ho và khó thở là hai triệu chứng thường gặp trong bệnh lý:
A. Tim mạch
B. Hô hấp
- B. Ngất do nhiệt
D. Lặn quá sâu
- B. Xoa nắn bắp thịt
D. A, B, C đúng
- B. Ngộ độc xăng, dầu
D. B và C đúng
- B. Chườm lạnh
D. Dùng quạt
- B. Xương biến dạng
D. Khớp biến dạng
- B. Cho người bệnh uống nước trà đường
D. Loại trừ chất độc ra khỏi cơ thể
- B. Amidan
D. A, B sai
- B. Ngạt nước thứ phát
D. Ngạt trước ngất sau
- B. Điện trở
D. Cường độ dòng điện
- B. Băng kín vô khuẩn sau 72 giờ mới thay băng
D. Cắt lọc tổ chức
- B. Thở nhanh
D. Co cứng cơ
- B. Cứng khớp
D. Ngón tay có hình thoi
- B. Ăn uống kém
D. Mọi trường ô nhiễm
- B. Đồng tử giãn
D. Da niêm tái
- B. Đau bụng quanh rốn
D. Vẻ mặt buồn bã
- B. Trắng dính
D. Trắng đục
- B. 20-30 phút
D. 5-10 phút

- C. Tiêu hóa
Câu 71 : Nguyên nhân gây chảy máu mũi do động mạch thường gặp trên lâm sàng:
 A. Bệnh bạch cầu cấp
 B. Sốt xuất huyết
 C. Hemophilli
 D. Tăng huyết áp
- Câu 72** : Những thực phẩm nên dùng cho bệnh nhân phù, NGOẠI TRỪ:
 A. Gạo, khoai
 B. Nước mắm, nước tương
 C. Sữa bột tách bơ
 D. Dầu thực vật
- Câu 73** : Yếu tố nguy cơ gây loét dạ dày tá tràng, NGOẠI TRỪ:
 A. Thời tiết nóng
 B. Ăn nhiều chất kích thích
 C. Lao động nặng, gắng sức
 D. Dùng thuốc kháng viêm kéo dài
- Câu 74** : Đặc điểm nào đúng với say nắng:
 A. Diễn tiến từ từ
 B. Thường do môi trường ngột ngạt
 C. Do tia hồng ngoại
 D. Thân nhiệt rất cao
- Câu 75** : Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh viêm khớp cần bổ sung:
 A. Sắt
 B. Calci
 C. Muối khoáng
 D. Bột, đường
- Câu 76** : Triệu chứng ho và khó thở nhiều, NGOẠI TRỪ:
 A. Khạc đờm lỏng
 B. Tím môi và đầu chi
 C. Rút lõm lồng ngực
 D. Nhịp thở nhanh nông
- Câu 77** : Bệnh do cái ghẻ gây biến chứng:
 A. Chàm hóa
 B. Viêm cầu thận cấp
 C. A, B đúng
 D. A, B sai
- Câu 78** : Dấu hiệu bột quá chặt:
 A. Đau nhức chi bó bột
 B. Đầu chi tím tái, lạnh, đau, mất cảm giác
 C. Đầu chi phù nề
 D. Cảm giác tê chi bó bột
- Câu 79** : Chế độ ăn hạn chế muối tương đối, chỉ cho hàm lượng muối tối đa trong 1 ngày là:
 A. 1g
 B. 2g
 C. 3g
 D. 4g
- Câu 80** : Nội dung cần giáo dục cho người bệnh và người nhà ngoài cơn động kinh:
 A. Không dùng chất kích thích, tránh stress
 B. Uống thuốc đúng liều
 C. Không làm việc nơi nguy hiểm
 D. A, B, C đúng
- Câu 81** : Dấu hiệu đặc trưng của ngộ độc histamin:
 A. Ói mửa
 B. Trụy mạch
 C. Liệt cơ
 D. Dị ứng
- Câu 82** : Điều quan trọng trong chăm sóc người bệnh tâm thần tại cộng đồng là:
 A. Giải quyết việc làm cho người bệnh tâm thần
 B. Khám định kỳ
 C. Quản lý và phục hồi chức năng tâm lý xã hội
 D. Tạo điều kiện cho người bệnh tâm thần vui chơi, giải trí
- Câu 83** : Người bệnh bị chất độc bắn vào mắt, việc đầu tiên cần xử trí:
 A. Chuyển đến cơ sở y tế
 B. Rửa mắt bằng nước muối
 C. Băng mắt lại
 D. Rửa mắt bằng nước sạch
- Câu 84** : Xử trí đầu tiên khi bị điện giật:
 A. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực
 B. Hô hấp nhân tạo
 C. Làm thông thoáng đường thở
 D. Cắt nguồn điện
- Câu 85** : Xoa bóp kết hợp châm cứu để giảm đau lưng có thể thực hiện cho người bệnh, NGOẠI TRỪ:
 A. Thoát vị đĩa đệm
 B. Thoái hóa xương khớp
 C. Phụ nữ trong thời kỳ kinh
 D. Sỏi ở thận niệu quản
- Câu 86** : Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh bỏng là:
 A. Nhiều vitamin
 B. Nhiều đạm
 C. Nhiều hoa quả tươi
 D. Tất cả đều đúng
- Câu 87** : Bướu giáp được chia làm:
 A. 3 độ
 B. 5 độ
 C. 4 độ
 D. 2 độ

Câu 88 : Xử trí chảy máu mũi nhẹ:

- A. Bóp chặt 2 cánh mũi
- B. Nhét gạc cầm máu
- C. Dùng thuốc cầm máu
- D. A,B,C đúng

Câu 89 : Khi người bệnh nôn ra máu, cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh:

- A. Tránh lo âu căng thẳng
- B. Ăn chế độ ăn nhiều gia vị
- C. Nên dùng thức ăn nóng
- D. Cần chườm nóng vùng thượng vị

Câu 90 : Các cách xử trí và chăm sóc người bệnh đau lưng, NGOẠI TRỪ:

- A. Tăng cường tập vận động
- B. Xoa bóp trị liệu kết hợp châm cứu
- C. Dùng thuốc giảm đau, giãn cơ
- D. Tìm nguyên nhân để điều trị

Câu 91 : Tư thế để chi bó bột dễ chịu nhất đối với chi trên:

- A. Duỗi thẳng
- B. Tựa lên bụng, bàn tay lên trời
- C. Kê cao chi bó bột
- D. Theo tư thế cơ năng

Câu 92 : Khuyên người bệnh viêm phế quản KHÔNG NÊN:

- A. Thức khuya
- B. Uống trà, cà phê
- C. Hút thuốc lá
- D. Tiếp xúc hóa chất

Câu 93 : Khi chăm sóc người bệnh viêm khớp, cần hướng dẫn người bệnh:

- A. Đi bộ nhiều
- B. Vận động các khớp
- C. Uống nước nhiều
- D. Dùng thuốc giảm đau thường xuyên

Câu 94 : Sau khi rửa dạ dày cho người bệnh ngộ độc, nên cho người bệnh uống:

- A. Sữa lạnh
- B. Than hoạt tính
- C. Thuốc kháng sinh
- D. Uống nước trà đường

Câu 95 : Mở cửa sổ bột khi:

- A. Có vết thương
- B. Bột quá chặt
- C. Bột bị đè ép
- D. Cần chăm sóc vùng da trong bột

Câu 96 : Chế độ dinh dưỡng cho người bệnh viêm phổi:

- A. Nhiều vitamin
- B. Hạn chế mỡ
- C. Dễ tiêu, đủ năng lượng
- D. Tăng số lần ăn trong ngày

Câu 97 : Đây là đặc điểm của bong gân nặng:

- A. Có thể mẻ mãng xương nơi bám của dây chằng
- B. Dây chằng bong ra khỏi đầu xương
- C. Bao khớp bị tổn thương
- D. Dây chằng bị bong khỏi vị trí bám

Câu 98 : Các triệu chứng của ho và khó thở nhẹ, NGOẠI TRỪ:

- A. Tím đầu chi
- B. Khó thở ít
- C. Không tím môi
- D. Ho

Câu 99 : Biện pháp tốt nhất để phòng sự lây lan vi khuẩn trong bệnh viêm phế quản:

- A. Phòng thoáng, sạch sẽ
- B. Vệ sinh răng miệng
- C. Xử lý chất thải đúng qui định
- D. Hạn chế thăm viếng

Câu 100 : Chế độ ăn uống cho người bệnh loét dạ dày tá tràng:

- A. Uống nhiều nước
- B. Ăn nhiều gia vị
- C. Cho uống sữa lạnh
- D. Ăn cháo nóng

Câu 101 : Để giảm đau cho người bệnh loét dạ dày tá tràng, cần thực hiện kỹ thuật chăm sóc:

- A. Chườm nóng
- B. Hút đờm nhớt
- C. Rửa dạ dày
- D. Thụt tháo

Câu 102 : Chảy máu mũi do vỡ vết mạch Kissellbach KHÔNG CÓ đặc điểm:

- A. Tiên lượng nhẹ
- B. Có khuynh hướng tự cầm
- C. Ít tái diễn
- D. Thường gặp ở trẻ em

Câu 103 : Triệu chứng chính của loét dạ dày tá tràng:

- A. Đau bụng vùng thượng vị
- B.Ợ hơi, ợ chua
- C. Buồn nôn và nôn
- D. Chứng hơi ở bụng

Câu 104 : Triệu chứng của người bệnh nhiễm giun móc:

- A. Biểu hiện của thiếu máu
- B. Đau bụng vùng quanh rốn
- C. Ngứa hậu môn
- D. Nổi mẩn đỏ ở da

Câu 105 : Một số bệnh chỉ có ho và khạc đờm, NGOẠI TRỪ:

- A. Hen phế quản
- B. Lao phổi giai đoạn đầu

- C. Viêm long đường hô hấp
- Câu 106 :** Sau khi bó bột xong người thầy thuốc nên:
- A. Kệ cao chi bó bột cho người bệnh
C. Dặn người bệnh cách chăm sóc chi bó bột
- Câu 107 :** Phương pháp nào sau đây để phòng loét cho người bệnh tai biến mạch máu não:
- A. Giữ da luôn sạch sẽ
C. Thay đổi tư thế người bệnh 2 giờ/ 1 lần
- Câu 108 :** Nguyên nhân gây động kinh:
- A. Sẹo trong não
C. Di chứng do viêm não
- Câu 109 :** Thuốc chủ yếu dùng để điều trị động kinh:
- A. Thuốc dẫn cơ
C. Thuốc an thần
- Câu 110 :** Vòi nhĩ là ống thông giữa và thành sau họng:
- A. Tai ngoài
C. Tai trong
- Câu 111 :** Nguyên nhân mắc bệnh giun kim:
- A. Tay bẩn cầm vào thức ăn
C. Hít phải trứng giun ngoài không khí
- Câu 112 :** Nội dung cần giáo dục sức khỏe cho người bệnh tăng huyết áp:
- A. Dùng thuốc theo toa và theo dõi huyết áp thường xuyên
C. Tập thể dục
- Câu 113 :** Triệu chứng toàn thân của người bệnh nôn ra máu:
- A. Mạch nhanh
C. Nhịp thở chậm
- Câu 114 :** Triệu chứng đau của bong gân:
- A. Kéo căng diện khớp phía bong gân gây đau chói
C. Ấn vào vùng bong gân gây đau chói
- Câu 115 :** Cách xử trí khi người bệnh có ho và khó thở nhiều:
- A. Đưa đến cơ sở y tế
C. Xử trí nguyên nhân gây ho
- Câu 116 :** Khi bột quá lỏng hoặc không đủ độ cứng cần:
- A. Báo bác sĩ
C. Kiểm tra X quang
- Câu 117 :** Dấu hiệu của say nắng:
- A. Thân nhiệt tăng không cao
C. Đổ mồ hôi nhiều
- Câu 118 :** Biểu hiện đặc trưng của nạn nhân bị rắn hổ cắn:
- A. Rối loạn đông máu
C. Xuất huyết
- Câu 119 :** Thuốc diệt cái ghẻ:
- A. A, B đúng
C. Millian
- Câu 120 :** Biện pháp phòng bệnh đường hô hấp
- A. Tập thở sâu
C. Mặc đồ mỏng, thoáng mát
- Câu 121 :** Tổ chức lympho lớn nhất vùng họng:
- A. Hạnh nhân vòm
C. Hạnh nhân khẩu cái
- Câu 122 :** Điều trị bong gân nặng:
- A. Phẫu thuật
C. Bất động bằng nẹp bột
- D. Viêm phế quản
- B. Ghi ngày bó và ngày mở bột lên trên bột
D. Hướng dẫn cách vận động chi bó bột
- B. Drap, giường khô, sạch
D. Xoa bóp vùng da đè cắn
- B. U não
D. A, B, C đúng
- B. Thuốc tăng tuần hoàn não
D. Thuốc bổ thần kinh
- B. Tai giữa
D. A, B đúng
- B. Đi làm đồng không có bảo hộ lao động
D. A và C đúng
- B. Theo dõi huyết áp
D. A, B, C đúng
- B. Huyết áp tăng
D. Sốt cao
- B. Đau ở chỗ bám của dây chằng
D. Đau khi cử động khớp chân
- B. Cho người bệnh uống thuốc giảm ho
D. Cho uống thuốc làm long đờm
- B. Kiểm tra X quang, bó lại
D. Bó lại
- B. Da thường ẩm ướt
D. Thường mê sảng
- B. Trụy mạch
D. Liệt cơ
- B. Cồn 90°
D. DEP
- B. Tiêm phòng lao cho trẻ
D. A và B đúng
- B. Hạnh nhân lưỡi
D. Hạnh nhân lưỡi
- B. Tuyệt đối không xoa bóp vùng tổn thương
D. Xoa bóp vùng tổn thương

- Câu 123 :** Triệu chứng chính của người bệnh hẹp môn vị:
- A. Nôn ra thức ăn
B. Đau bụng dữ dội
C. Nôn ra máu
D. Đi tiêu phân đen
- Câu 124 :** Chỉ nhìn thấy bướu giáp được xếp vào:
- A. Độ III
B. Độ II
C. Độ I
D. Độ IV
- Câu 125 :** Dùng thuốc giảm đau, kháng viêm có thể gây ra bệnh lý:
- A. Viêm loét dạ dày tá tràng
B. Viêm khớp
C. Hem phế quản
D. Tăng huyết áp
- Câu 126 :** Nguyên nhân mắc bệnh giun móc, NGOẠI TRỪ:
- A. Hít phải trứng giun ngoài không khí
B. Đi làm đồng không có bảo hộ lao động
C. Tay bẩn cầm vào thức ăn
D. Thức ăn ô nhiễm
- Câu 127 :** Xử trí phù hợp với nạn nhân bị rấn cắn:
- A. Hút nọc độc
B. Garot trên vết cắn
C. Chườm đá
D. Bất động
- Câu 128 :** Ngay sau khi bó bột chi, bột còn ướt cần bảo vệ bột bằng cách:
- A. Nằm giường có đệm
B. Nằm trên mặt phẳng cứng, không dùng ngón tay đè lên vùng bột
C. Ngồi xe cán có dây an toàn
D. Nằm ván cứng, kê chi bó bột lên cao
- Câu 129 :** Thủ thuật Heimlich dùng để:
- A. Cầm máu mũi
B. Nhổ răng
C. Cấp cứu chấn thương mắt
D. Cấp cứu hóc dị vật
- Câu 130 :** Nguyên nhân gây loét dạ dày tá tràng:
- A. Căng thẳng thần kinh
B. Ăn không đúng bữa
C. Uống nhiều nước
D. A và B đúng
- Câu 131 :** Khi người bệnh vừa hết nôn ra máu, cần cho người bệnh ăn uống:
- A. Sữa để lạnh
B. Cơm thường
C. Truyền dịch, không ăn
D. Cháo, súp nghiền
- Câu 132 :** Đây là những đặc điểm nổi bật của ngọc độc cấp, NGOẠI TRỪ:
- A. Hậu quả nặng nề
B. Xử trí khẩn trương
C. Bất ngờ
D. Phối hợp hoạt động
- Câu 133 :** Khó thở nhanh thường gặp trong bệnh lý nào sau đây:
- A. Hen phế quản
B. Lao phổi
C. Viêm phổi
D. Viêm phế quản
- Câu 134 :** Chế độ ăn cho người bệnh phù cần hạn chế:
- A. Đường
B. Muối
C. Đạm
D. Mỡ
- Câu 135 :** Khi bệnh nhân có phù, cần có chế độ ăn hạn chế muối tuyệt đối cho bệnh lý:
- A. Thận nhiễm mỡ
B. Viêm cầu thận
C. Suy tim nhẹ
D. Đang uống thuốc chứa corticoid
- Câu 136 :** Cho người bệnh uống thuốc long đờm khi:
- A. Đờm đặc
B. Khạc đờm lỏng, số lượng nhiều
C. Ho và khó thở ít
D. Ho nhiều
- Câu 137 :** Một số nguyên nhân gây đau lưng cấp, NGOẠI TRỪ:
- A. Sỏi mật
B. Sỏi ở niệu quản, bàng quang
C. Thoái hóa xương khớp
D. Lao cột sống
- Câu 138 :** Triệu chứng của người bệnh nhiễm giun kim:
- A. Ngứa hậu môn
B. Đau bụng vùng quanh rốn
C. Biểu hiện của thiếu máu
D. Nổi mẩn đỏ ở da
- Câu 139 :** Bong gân nặng hết đau và đi lại bình thường sau thời gian là:
- A. 2 tuần
B. 3 tuần
C. 1 tuần
D. 4 tuần
- Câu 140 :** Bệnh lý nào chỉ có triệu chứng ho và khạc đàm là chủ yếu:

- A. Viêm phế quản
C. Viêm phổi
- Câu 141 :** Triệu chứng nhiễm giun đũa giai đoạn trưởng thành, NGOẠI TRỪ:
A. Biểu hiện của thiếu máu
C. Đau bụng quanh rốn
- Câu 142 :** Thuốc làm giảm triệu chứng sổ mũi trong bệnh viêm mũi dị ứng:
A. Acemuc
C. Chlorpheniramin
- Câu 143 :** Tư thế vận chuyển người bệnh nôn ra máu đến cơ sở y tế:
A. Nằm đầu thấp, mặt nghiêng
C. Nằm, nửa nằm, nửa ngồi
- Câu 144 :** Bong gân nhẹ:
A. Dây chằng bị bong khỏi vị trí bám
C. Một số không đáng kể sợi collagen bị đứt
- Câu 145 :** Người bệnh chấn thương cột sống cần xử trí:
A. Chuyển đến cơ sở y tế
C. Hạn chế vận động trong thời gian đau nhiều
- Câu 146 :** Triệu chứng toàn thân của người bệnh viêm khớp:
A. Hạt dưới da
C. Đỉnh và biến dạng khớp
- Câu 147 :** 3 hậu quả thường gặp do say nắng, say nóng là:
A. Trụy mạch, rối loạn tri giác, giảm trương lực cơ
C. Rối loạn tri giác, giảm trương lực cơ, mất nước
- Câu 148 :** Các biến chứng do loét dạ dày tá tràng gây ra, NGOẠI TRỪ:
A. Ung thư gan
C. Thủng dạ dày
- Câu 149 :** Thay băng vết bỏng sâu cần:
A. Che kín vết bỏng bằng băng vô khuẩn
C. Xét nghiệm vi khuẩn làm kháng sinh đồ
- Câu 150 :** Thuốc cần bổ sung cho người bệnh nhiễm giun sán:
A. Acid folic
C. Metronidazol
- Câu 151 :** Đây là những nguyên tắc xử trí khi chất độc đã ngấm vào máu, NGOẠI TRỪ:
A. Pha loãng
C. Khử độc
- Câu 152 :** Nghiện rượu, nghiện ma túy được xếp vào:
A. Tâm thần phân liệt
C. Tâm thần chậm phát triển
- Câu 153 :** Động kinh được phân loại:
A. Động kinh toàn bộ
C. Động kinh toàn bộ và cục bộ
- Câu 154 :** Bong gân nhẹ hết đau sau:
A. 2 tuần
C. 3 tuần
- Câu 155 :** Đề phòng lao cho trẻ cần phải:
A. Tiêm phòng BCG cho trẻ
C. Tránh gió lùa
- Câu 156 :** Đặc điểm của say nóng:
A. Do tia tử ngoại
C. Rất hay kèm co giật
- Câu 157 :** Nhận định tình trạng người bệnh viêm khớp có các biểu hiện, NGOẠI TRỪ:
A. Đau các khớp
C. Hạn chế vận động
- B. Hen phế quản
D. Suy tim
- B. Ngứa, nổi mẩn đỏ ở da
D. Buồn nôn, ăn chậm tiêu
- B. Amoxicillin
D. Vitamin C
- B. Nằm ngửa, đầu cao
D. Nằm đầu cao, mặt nghiêng
- B. Dây chằng bị kéo giãn hoặc đứt một phần
D. Dây chằng bị đứt toàn bộ
- B. Xoa bóp trị liệu kết hợp với châm cứu
D. Dùng thuốc giảm đau
- B. Teo cơ vùng quanh khớp
D. A và B đúng
- B. Giảm trương lực cơ, mất nước, trụy mạch
D. Mất nước, trụy mạch, rối loạn tri giác
- B. Xuất huyết tiêu hóa
D. Hẹp môn vị
- B. Cắt lọc hết tổ chức hoại tử
D. B, C đúng
- B. Photphaligel
D. Sucralfat
- B. Lọc máu
D. Gây nôn
- B. Tâm thần xã hội
D. Tất cả sai
- B. Động kinh cơn lớn
D. Động kinh cục bộ
- B. 1 tuần
D. 4 tuần
- B. Giữ ấm cổ ngực vào mùa lạnh
D. Tập thở sâu, tập ho, khạc đờm
- B. Do tiếp xúc trực tiếp ánh nắng mặt trời
D. Diễn tiến từ từ
- B. Trạng thái thần kinh
D. Da khô teo, có hạt dưới da

Câu 158 : Phương pháp phục hồi chức năng cho người bệnh tai biến mạch máu não là:

A. Chi đúng tư thế cơ năng

C. Xoa bóp, tập luyện

B. Co duỗi các khớp

D. Ngồi dậy và tập đi lại

Câu 159 : Nguyên nhân chính của bệnh bướu cổ là:

A. Do thiếu iode trong nước

C. Do thiếu iode trong cơ thể

B. Ăn một số chất sinh bướu: su hào, bắp cải

D. Do ăn thức ăn không chứa iode

Câu 160 : Chế độ ăn cho người bệnh tăng huyết áp:

A. Giàu đạm

C. Hạn chế muối

B. Nhiều vitamin

D. Nhiều chất xơ

Câu 161 : Dấu hiệu đặc trưng của ngộ độc Atropin:

A. Lơ mơ, hôn mê

C. Mạch chậm

B. Đồng tử co

D. Da khô, đỏ

Câu 162 : Biến dạng khớp đến sớm:

A. Sưng nề

C. Cử động lò xo

B. Di lệch

D. Chi bị trật khớp nặng hơn chi lành